TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/HS-ST
Ngày: 12/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim L

Ông Huỳnh Văn Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

Trần Tú U - sinh ngày: 20/3/1989 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số 079189009887; Giới tính: Nữ; Thường trú: 2C N, Khu phố X, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: 2C N, Khu phố X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Trần Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị M; Bị cáo không có chồng con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/9/2007, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 117/HSST, đã chấp hành xong ngày 20/3/2009; Ngày 26/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xử phạt 02 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 229/HSST, đã chấp hành xong ngày 08/01/2015; Bị cáo bị bắt ngày 04/6/2025, bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa - Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Thị L - sinh ngày 24/8/1967 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số 075167000199; Giới tính: Nữ; Thường trú: 158/4 N, Ấp Y, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: 158/4 N, Ấp J, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Lương Thị L1(chết); Bị cáo không có chồng con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/6/1984, bị UBND Thành phố Hồ Chí Minh xử tập trung cải tạo 2 năm về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 13/5/2002, bị Tòa án nhân dân Quận 12, TP.Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội

“Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 60/HSST, đã chấp hành xong ngày 31/10/2002; Bị cáo bị bắt ngày 04/6/2025, bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa - Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Công ty Cổ phần Dược phẩm F

Địa chỉ (cũ): 379-381 H, phường V, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 66E, Tổ F, Ấp S, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: 95/2 Ấp Z, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: 27/2B, Ấp Q, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2025, do không có tiền nên Nguyễn Thị L và Trần Tú U rủ nhau đi chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, U mượn được xe máy biển số 59Y2-700.02 của ông Nguyễn Thụy H, điều khiển xe đến nhà kêu L đi cùng. Sau đó, U điều khiển xe máy chở L đi được một lúc thì đổi cho L điều khiển xe chở U ngồi sau. Khi đến đường Lê Thị Hà nhìn thấy 01 tiệm thuốc tây F tại số 2/3 L, xã T, huyện H nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh, thì L dừng xe, còn U vào trong tiệm dùng toa thuốc cũ đem theo hỏi mua thuốc và 02 hộp sữa Ensure. Nhân viên nhà thuốc Nguyễn Thị N lấy 02 hộp sữa đem ra, sau đó quay vào lấy thuốc, lợi dụng sơ hở U lập tức ôm 02 hộp sữa chạy ra chỗ L đang chờ sẵn, lên xe để L tăng ga bỏ chạy. Sau khi chiếm đoạt được 02 hộp sữa, khi chạy đến tiệm tạp hóa A, tại số 27/2 N, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, U vào bán cho bà Trần Thị Minh T (thông qua anh Lê Trung Th là nhân viên) với giá 1.200.000đồng. Sau đó, U đưa cho L 500.000đồng. Bị hại trình báo và giao nộp hình ảnh ghi nhận tại hiện trường cho Công an, qua truy xét và tiến hành làm việc, Trần Tú U, Nguyễn Thị L đã khai nhận nội dung như trên.

Lời khai của U và L phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Kết luận định giá số 70/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự _ Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn kết luận: 02 hộp sữa Ensure Gold, mã sản phẩm 1236683, khối lượng tịnh 800g, hương vani có giá là 1.680.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 02 (hai) hộp sữa Ensure Gold (đã được trả cho bị hại);

- 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, 01 (một) đôi dép quai sọc trắng cam xanh dương, 01 (một) quần jean dài, 01 (một) áo khoác màu xám tay dài, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, đỏ, 01 (một) đôi dép màu xanh lá.

- 01 (một) xe mô tô biển số 59Y2 - 700.02, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, số khung: RLHJF5803EY166767; số máy: JF58E0166877: Đây là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Thụy H, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác. Bà Trần Thị Minh T khi mua 02 hộp sữa không biết do phạm tội mà có đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra và không yêu cầu gì về dân sự.

Tại Cáo trạng số 143/CT-VKS.KV8 ngày 06/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Tú U, Nguyễn Thị L về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội đồng thời nêu lên tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Tú U từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, 01 (một) đôi dép quai sọc trắng cam xanh dương, 01 (một) quần jean dài, 01 (một) áo khoác màu xám tay dài, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, đỏ, 01 (một) đôi dép màu xanh lá.

- Về dân sự: Ghi nhận việc bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đến vụ án không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ.

[3] Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ của vụ án. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Ngày 01/6/2025, do không có tiền nên Nguyễn Thị L và Trần Tú U rủ nhau đi chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. U mượn được xe máy biển số 59Y2-700.02 của ông Nguyễn Thụy H, điều khiển xe đến nhà kêu L đi cùng. Sau đó, U điều khiển xe máy chở L đi được một lúc thì đổi cho L điều khiển xe chở U ngồi sau. Khi đến đường Lê Thị Hà nhìn thấy 01 tiệm thuốc tây F tại số 2/3 L, xã T, huyện Hóc Môn (nay là xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh), thì L dừng xe, còn U vào trong tiệm dùng toa thuốc cũ đem theo hỏi mua thuốc và 02 hộp sữa Ensure. Nhân viên nhà thuốc Nguyễn Thị N lấy 02 hộp sữa đem ra, sau đó quay vào lấy thuốc, lợi dụng sơ hở U lập tức ôm 02 hộp sữa chạy ra chỗ L đang chờ sẵn, lên xe để L tăng ga bỏ chạy. Hành vi công khai nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người khác rồi tẩu thoát của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố để xét xử các bị cáo theo điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4.3] Hội đồng xét xử đánh giá về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi của từng bị cáo như sau: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo U là người trực tiếp thực hiện hành vi, còn bị cáo L là người điều khiển xe chở U tẩu thoát.

[5] Hội đồng xét xử nhận định, hành vi phạm tội của các bị cáo là táo bạo, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì về dân sự vì vậy hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết về dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 02 (hai) hộp sữa Ensure Gold, 01 (một) xe mô tô biển số 59Y2 - 700.02, nhãn hiệu Honda, số loại Vision: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nữa.

[7.2] Đối với 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, 01 (một) đôi dép quai sọc trắng cam xanh dương, 01 (một) quần jean dài, 01 (một) áo khoác màu xám tay dài, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, đỏ, 01 (một) đôi dép màu xanh lá: Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Tú U 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2025.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2025.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, 01 (một) đôi dép quai sọc trắng cam xanh dương, 01 (một) quần jean dài, 01 (một) áo khoác màu xám tay dài, 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng, đỏ, 01 (một) đôi dép màu xanh lá.

(Vật chứng được ghi theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/01/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV8-TP.HCM;
- PV06 - Công an TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS KV8 – TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Trại tạm giam Chí Hòa - CA TP.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

Đỗ Thị Phương Nam